

Số:

Hậu Giang, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2025

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 4128/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/8/2005 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao Đẳng Cộng đồng Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính Phủ về việc quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế tuyển sinh Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2025 của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, trưởng các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường căn cứ Quyết định này thi hành./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hậu Giang (để b/c);
- Sở GD&ĐT tỉnh Hậu Giang (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu TC-HC, QLĐT.

Nguyễn Hữu Văn

QUY CHẾ
Tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 190 /QĐ-CĐCĐ ngày 18/4/2025
của Hiệu trưởng trường CĐCĐ Hậu Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non cho các hình thức đào tạo; quy định cụ thể về tổ chức thi phục vụ tuyển sinh, xét tuyển hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

2. Quy chế này áp dụng đối với Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

Điều 2. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

3. Phối hợp chặt chẽ dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ GD&ĐT nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo và của toàn hệ thống.

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

2. Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực (trừ những quy định của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng mang tính đặc thù trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh); hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

3. Về đánh giá năng lực: Thí sinh phải được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo;

4. Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình, ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;

5. Về thực hiện cam kết: Phải thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

Điều 4. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 8 Quy chế này;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Đối với một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, cơ sở đào tạo có thể quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, cơ sở đào tạo thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC TUYỂN SINH

Điều 5. Phương thức tuyển sinh cao đẳng Giáo dục Mầm non

Đối với ngành Cao đẳng Giáo dục mầm non: Xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi năng khiếu do trường tổ chức hoặc xét tuyển căn cứ vào tổng hợp điểm trung bình của học bạ lớp 12 và điểm thi năng khiếu do trường tổ chức.

Để xét tuyển đợt 1, thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non chỉ được chọn một trong hai phương thức: đăng ký trực tiếp trên Phiếu ĐKDT và ĐKXT hoặc đăng ký trực tuyến theo hướng dẫn của Trường và nộp lệ phí đăng ký xét tuyển. Trong các đợt xét tuyển sau đợt 1, thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển và nộp lệ phí theo quy định của Nhà trường.

Sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT, thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển trong thời gian quy định, bằng phương thức trực tuyến trên Cổng tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sau khi có kết quả xét tuyển của Trường, thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học thông qua việc nộp bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi (đối với thí sinh tham dự kì thi tốt nghiệp THPT của năm tuyển sinh) vào Trường bằng hình thức trực tiếp hoặc bằng hình thức thư chuyển phát nhanh theo quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được hiểu là từ chối nhập học; thí sinh đã xác nhận nhập học thì không được tham gia xét tuyển ở các cơ sở đào tạo khác.

Điều 6. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (theo Phụ lục I của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư

của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (theo Phụ lục II của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này

Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thực hiện theo Điều 8 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT, ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 về Sửa đổi, bổ

sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7: Tuyển sinh đào tạo theo đặt hàng như sau:

1. Tuyển sinh do Nhà nước đặt hàng đào tạo thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính Phủ về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

2. Tuyển sinh do các chủ thể khác đặt hàng đào tạo và cam kết sử dụng sinh viên tốt nghiệp thực hiện theo hợp đồng giữa các bên liên quan, không trái với quy định của pháp luật;

3. Văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước hoặc thoả thuận giữa các bên và các thông tin liên quan phải được đưa vào thành phụ lục của Thông tintuyển sinh.

4. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm giải trình với các cơ quan chức năng và xã hội về giao nhiệm vụ đào tạo và sử dụng lao động sau đào tạo.

Điều 8. Ngưỡng đầu vào ngành Cao đẳng Giáo dục Mầm non

Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

Điều 9: Triệu tập thí sinh trúng tuyển như sau:

Hội đồng tuyển sinh của trường gửi giấy thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học khi thí sinh đã đáp ứng đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Quy chế này.

Nhà trường chỉ sử dụng bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi làm căn cứ xác nhận nhập học (đối với thí sinh tham dự kì thi tốt nghiệp THPT của năm tuyển sinh).

Điều 10: Giải quyết thí sinh nhập học trễ hạn như sau:

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học thông qua việc nộp bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi (đối với thí sinh tham dự kì thi tốt nghiệp THPT của năm tuyển sinh) trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được hiểu là từ chối nhập học và Nhà trường sẽ xét tuyển thí sinh khác; thí sinh đã xác nhận nhập học thì không được tham gia xét tuyển ở các cơ sở đào tạo khác.

Điều 11. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

- a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới cơ sở đào tạo gọi nhập học. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả do cơ sở đào tạo quy định, nhưng không ít hơn 3 năm đối với người quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của cơ sở đào tạo, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục.

Điều 12. Thông tin tuyển sinh

1. Cơ sở đào tạo xây dựng, công bố và thực hiện thông tin tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh phải chứa đầy đủ thông tin làm căn cứ để:

a) Thí sinh lựa chọn trường, ngành, chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của cơ sở đào tạo;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của cơ sở đào tạo trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh bao gồm:

a) Thông tin giới thiệu về cơ sở đào tạo, các ngành và chương trình đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỉ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp (theo Phụ lục III của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo

dục Mầm non và thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh cao đẳng chính quy phải phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành, chương trình đào tạo; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của cơ sở đào tạo.

3. Cơ sở đào tạo thông báo tuyển sinh kèm theo công bố thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày.

Điều 13: Tuyển sinh đào tạo theo hình thức Vừa làm vừa học

Tuyển sinh đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học cũng đảm bảo đầy đủ các bước theo quy chế này. Riêng đối với phương thức xét tuyển Nhà trường chỉ xét tổ hợp điểm theo học bạ cuối năm lớp 12 và điểm thi năng khiếu do trường tổ chức.

Chương III

KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 14. Công tác kiểm tra, giám sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra, giám sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác tuyển sinh.

2. Trong năm tuyển sinh, những người có người thân (vợ; chồng; con; anh, chị, em ruột) dự tuyển thì không được tham gia công tác kiểm tra, giám sát các khâu trong công tác tuyển sinh của năm đó.

Điều 15. Kiểm tra kết quả xét tuyển và hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Sau kỳ tuyển sinh, chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày thí sinh nhập học, trường tổ chức kiểm tra kết quả xét tuyển của tất cả thí sinh đã trúng tuyển vào trường ở tất cả các khâu, đồng thời kiểm tra, đối chiếu với bản chính các loại giấy tờ của thí sinh. Nếu phát hiện các trường hợp vi phạm quy chế hoặc có nghi vấn thì lập biên bản kiến nghị hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng tuyển sinh có biện pháp xác minh, xử lý.

2. Khi thí sinh trúng tuyển đến nhập học, Hội đồng tuyển sinh tổ chức thu nhận và kiểm tra hồ sơ thí sinh đã nộp theo quy định.

3. Trong quá trình học sinh đang theo học tại trường, nếu có khiếu nại, tố cáo, trường tổ chức kiểm tra hồ sơ và kết quả xét tuyển của thí sinh. Nếu phát hiện hồ sơ giả mạo thì xử lý theo quy định.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16. Khen thưởng

1. Người có nhiều đóng góp, tích cực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển sinh được giao, tùy theo thành tích cụ thể, được hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng tuyển sinh khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của trường.

2. Quỹ khen thưởng trích trong lệ phí tuyển sinh.

Điều 17. Xử lý các trường hợp vi phạm quy chế tuyển sinh

1. Nơi tiếp nhận thông tin về vi phạm quy chế tuyển sinh:

- a) Hội đồng tuyển sinh;
- b) Cán bộ Thanh tra của Hội đồng tuyển sinh.

2. Các bằng chứng vi phạm quy chế tuyển sinh sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.

3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm quy chế tuyển sinh:

a) Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tuyển sinh, nếu phát hiện những hành vi vi phạm quy chế tuyển sinh cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận thông tin về vi phạm quy chế tuyển sinh để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.

4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm quy chế tuyển sinh:

a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;

b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm quy chế tuyển sinh theo thông tin đã được cung cấp;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy chế tuyển sinh;

d) Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

Điều 18. Xử lý người tham gia công tác tuyển sinh vi phạm quy chế

Người tham gia công tác tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau kỳ thi tuyển sinh), nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ áp dụng quy định tại Luật viên chức và Luật cán bộ, công chức; các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 19. Xử lý thí sinh dự tuyển vi phạm quy chế tuyển sinh

1. Những trường hợp thí sinh dự tuyển vi phạm quy chế tuyển sinh đều phải lập biên bản và tùy theo mức độ vi phạm, thí sinh có thể bị xử lý kỷ luật theo các hình thức dưới đây:

a) Tước quyền vào học ngay trong năm vi phạm và tước quyền tham dự kỳ tuyển sinh trong 01 năm tiếp theo hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Khai man, giả mạo giấy tờ trong hồ sơ tuyển sinh để được trúng tuyển;
- Giả mạo hồ sơ để hưởng chính sách ưu tiên;
- Sử dụng giấy chứng nhận, văn bằng tốt nghiệp không hợp pháp;
- Có hành động phá hoại, hành hung người có trách nhiệm trong kỳ tuyển sinh hoặc thí sinh khác;

b) Hình thức kỷ luật này do chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định trên cơ sở ý kiến của các thành viên hội đồng tuyển sinh.

c) Đối với các trường hợp vi phạm khác, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng tuyển sinh xử lý kỷ luật theo các hình thức quy định tại Điều này hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý kỷ luật thí sinh phải được công bố cho thí sinh biết. Nếu thí sinh không chịu ký tên vào biên bản thì người lập biên bản ghi vào biên bản để báo cáo chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định.

Chương V

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ LƯU TRỮ

Điều 20. Chế độ báo cáo

Hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng tuyển sinh thực hiện báo cáo Bộ GD&ĐT:

- Kết quả tuyển sinh của năm theo công văn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Thông tin về tuyển sinh của trường theo quy định hoặc theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

Điều 21. Chế độ lưu trữ

Các tài liệu liên quan đến kỳ tuyển sinh, hồ sơ tuyển sinh được bảo quản, lưu trữ, hủy tài liệu hết giá trị theo quy định của Luật lưu trữ và Quy định của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. Các tài liệu liên quan đến thí sinh không trúng tuyển, lưu trữ 01 (một) năm kể từ ngày xét tuyển.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Trách nhiệm của hiệu trưởng

1. Ban hành Quy chế tuyển sinh và công bố Quy chế tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường.
2. Đảm bảo tính trung thực, chính xác các số liệu về giảng viên, cơ sở vật chất trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm.
3. Cung cấp đầy đủ thông tin khi có yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên để xác minh chỉ tiêu tuyển sinh đã đăng ký.
4. Báo cáo kết quả tuyển sinh năm trước và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm sau đúng thời gian quy định.
5. Tổ chức kiểm tra, giám sát các khâu trong công tác tuyển sinh theo quy định của quy chế tuyển sinh.

Điều 23. Trách nhiệm của hội đồng tuyển sinh

1. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, phương án tuyển sinh; thu nhận hồ sơ dự tuyển và xét tuyển sinh theo quy định của quy chế tuyển sinh.

2. Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác về: Thông tin tuyển sinh; mẫu phiếu đăng ký dự tuyển; kế hoạch, phương án tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm; thời gian tuyển sinh, điều kiện dự tuyển, điều kiện trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển.

3. Giải quyết thắc mắc và khiếu nại liên quan đến công tác tuyển sinh; đề nghị khen thưởng, kỷ luật trong công tác tuyển sinh.

4. Tổng kết công tác tuyển sinh, báo cáo kết quả tuyển sinh cho cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 24. Trách nhiệm của thí sinh trong kỳ tuyển sinh

1. Khai chính xác, nộp đủ hồ sơ và lệ phí tuyển sinh trong thời gian quy định của trường, đồng thời có mặt đúng thời gian quy định tại trường khi có yêu cầu.

2. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong phiếu đăng ký dự tuyển. Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin trong phiếu đăng ký dự tuyển với hồ sơ gốc.

3. Có trách nhiệm phát hiện, tố giác những hiện tượng vi phạm Quy chế tuyển sinh để Hội đồng tuyển sinh xử lý kịp thời.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, hàng năm Quy chế có thể được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với nhiệm vụ cụ thể, tình hình thực tế và các quy định mới của các cơ quan có thẩm quyền./.

PHỤ LỤC

*(kèm theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục
Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6
năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Phụ lục I. Phân chia khu vực tuyển sinh

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II. Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
Nhóm UT1	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.

02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm UT2</i>	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa

	được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.